|  |  |
| --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: /2024/QĐ-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *Đồng Nai, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy chế xét tặng các giải thưởng**

về Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thi dua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ ban hành Nghị định về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ,*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số …./TTr-SKHCN ngày …. tháng …… năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét tặng các giải thưởng về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(chi tiết phụ lục đính kèm)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ….. tháng ….. năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ; Liên hiệp Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |
| - Như điều 3;  - Các bộ: Tài chính, Tư pháp, KH&CN;  - Cục Kiểm tra VB QPPL- Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;  - TT HĐND tỉnh;  - CT, các PCT.UBND tỉnh;  - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;  - UBMTTQ Việt Nam tỉnh;  - Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;  - Chánh, Phó CVP (TH) UBND tỉnh;  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT, KGVX. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**  **–––––––––––––** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ––––––––––––––––––––––––––** |

**PHỤ LỤC**

**Quy chế xét tặng các giải thưởng về khoa học và công nghệ**

**trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**–––––––––––––––––––––––––**

**Phần I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tên giải thưởng, thời gian tổ chức giải thưởng, đối tượng, cơ cấu giải thưởng, mức thưởng, hội đồng xét tặng giải thưởng cho các giải thưởng về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc trong các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Cơ quan Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc xét tặng Giải thưởng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Công trình nghiên cứu khoa học là kết quả của hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn;

b) Công trình nghiên cứu phát triển công nghệ là công trình tạo ra công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật mới, vật liệu mới, giống mới, sản phẩm mới;

c) Công trình ứng dụng công nghệ là công trình ứng dụng thành công công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật mới.

2. Cụm công trình khoa học và công nghệ là kết hợp nhiều công trình khoa học và công nghệ, thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tập hợp nhiều công trình khoa học và công nghệ của cùng một tác giả hoặc các đồng tác giả đã được xác định thuộc một lĩnh vực khoa học, công nghệ hoặc một lĩnh vực áp dụng;

b) Tập hợp nhiều công trình khoa học và công nghệ do nhiều tác giả thực hiện độc lập, tạo ra cùng một kết quả nhưng sử dụng các phương pháp, nguyên lý, kỹ thuật khác nhau.

Công trình khoa học và công nghệ, cụm công trình khoa học và công nghệ sau đây được viết tắt là công trình.

3. Tác giả công trình là người trực tiếp sáng tạo ra công trình; trong trường hợp có hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo ra công trình thì họ là đồng tác giả. Tác giả, đồng tác giả công trình sau đây viết tắt là tác giả công trình.

4. Công bố công trình là việc đưa công trình ra trước công chúng dưới dạng xuất bản, thuyết trình, trưng bày, trình diễn và các hình thức khác theo quy định.

5. Ứng dụng công trình là sử dụng công trình trong thực tiễn nhằm phục vụ lợi ích của con người và xã hội.

6. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

7. Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên;

8. Văn bằng bảo hộ là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

9. ISI (Institute of Scientific Information) là Viện nghiên cứu thông tin khoa học thuộc sở hữu và quản lý bởi Clarivate Analytics. ISI cung cấp hệ thống dữ liệu đánh giá tác động của các tạp chí, ấn phẩm khoa học quốc tế và hệ thống chỉ số trích dẫn nguồn thông tin công bố quốc tế bao gồm nhóm chỉ số là SCIE, SSCI, AHCI và ESCI;

10. AHCI (Arts and Humanities Citation Index) là chỉ số trích dẫn nghệ thuật và nhân văn của ISI;

11. SCIE (Science Citation Index Expanded) là chỉ số trích dẫn khoa học mở rộng trực thuộc ISI;

12. SSCI (Social Sciences Citation Index) là chỉ số trích dẫn khoa học xã hội trực thuộc ISI;

13. Scopus là cơ sở dữ liệu trích dẫn và tóm tắt các ấn phẩm khoa học được tuyển chọn và quản lý bởi Elsevier (Hà Lan);

14. SCImago (trụ sở ở Tây Ban Nha) là một tổ chức nghiên cứu làm nhiệm vụ cung cấp thông tin về chất lượng nghiên cứu khoa học của các quốc gia, các cơ sở nghiên cứu, mức độ uy tín của các tạp chí thông qua việc phân tích các chỉ số dựa trên cơ sở dữ liệu Scopus do Nhà xuất bản Elsevier, Hà Lan, xây dựng từ năm 2004.

15. SJR (SCImago Journal Ranking) chỉ số được SCImago phát triển từ thuật toán xếp hạng trang web của Google;

16. Chỉ số tác động (impact factor) là chỉ số đánh giá tác động khoa học của tạp chí, ấn phẩm khoa học quốc tế của ISI;

**Điều 4. Giải thưởng về khoa học và công nghệ**

Các giải thưởng về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm các giải thưởng sau đây:

1. Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

2. Giải thưởng Sáng chế tỉnh Đồng Nai.

3. Giải thưởng Công bố khoa học tỉnh Đồng Nai

4. Khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển ngành khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai.

**Điều 5. Nguyên tắc xét tặng Giải thưởng**

1. Việc đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện.

2. Việc xét tặng Giải thưởng được thực hiện khách quan, công khai, công bằng và chính xác;

3. Việc xét các Giải thưởng phải trên cơ sở đảm bảo chất lượng các công trình, sáng chế/giải pháp hữu ích dự giải, không nhất thiết phải xét đủ số lượng giải thưởng nếu các công trình, sáng chế/giải pháp hữu ích tham dự giải không đảm bảo điều kiện xét thưởng theo quy định.

4. Mỗi công trình, sáng chế/giải pháp hữu ích chỉ được đề nghị xét tặng một Giải thưởng trong một đợt xét tặng Giải thưởng.

5. Công trình, sáng chế/giải pháp hữu ích đã được tặng Giải thưởng cấp tỉnh trở lên thì không được đề nghị xét tặng Giải thưởng.

**Điều 6. Thẩm quyền xét tặng Giải thưởng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc xét tặng và quyết định tặng Giải thưởng.

2. Việc quyết định tặng Giải thưởng trên cơ sở xem xét báo cáo của Ban Tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực Ban Tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh.

**Điều 7. Thời gian xét tặng, công bố và tổ chức trao tặng**

1. Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai được tổ chức thực hiện vào năm 2025, các lần sau thực hiện theo chu kỳ 03 năm xét tặng 01 lần.

2. Giải thưởng Sáng chế tỉnh Đồng Nai được tổ chức thực hiện vào năm 2025, các lần sau thực hiện theo chu kỳ 03 năm xét tặng 01 lần.

3. Giải thưởng Công bố khoa học tỉnh Đồng Nai được tổ chức thực hiện vào năm 2025, các lần sau thực hiện theo chu kỳ 03 năm xét tặng 01 lần.

4. Khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển ngành khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai tổ chức thực hiện vào năm 2025, các lần sau thực hiện theo chu kỳ 01 năm xét tặng 01 lần.

5. Lễ công bố và tổ chức trao tặng vào dịp kỷ niệm ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5 của năm tổ chức Giải thưởng hoặc tại thời điểm phù hợp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Điều 8. Kinh phí bảo đảm hoạt động xét tặng Giải thưởng**

1. Kinh phí để xét tặng Giải thưởng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Kinh phí sử dụng chi các nội dung sau:

a) Xây dựng, triển khai kế hoạch xét tặng Giải thưởng của Hội đồng các cấp;

b) Trả thù lao cho các thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng các cấp, chuyên gia phản biện độc lập, thư ký và việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng;

c) Tổ chức phiên họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng các cấp;

d) Công bố danh mục đề nghị xét tặng, kết quả của Hội đồng xét tặng Giải thưởng các cấp trên phương tiện thông tin đại chúng;

đ) Họp báo công bố kết quả xét tặng Giải thưởng;

e) Tổ chức Lễ trao giải Giải thưởng;

g) Tiền thưởng kèm theo Giải thưởng;

h) Các hoạt động khác có liên quan.

Mức chi cụ thể được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 9. Ban Tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Ban Tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh, gồm:

a) Trưởng ban: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các Phó Trưởng ban: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ - Phó Trưởng ban thường trực; Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh và mời Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

c) Các Ủy viên là lãnh đạo các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Ban Tổ chức Giải thưởng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các hoạt động của Giải thưởng và có các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch tổ chức Giải thưởng sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Ban hành thể lệ, xây dựng tiêu chí, thang điểm cụ thể để xét tặng từng loại, lĩnh vực Giải thưởng và các văn bản liên quan triển khai các hoạt động Giải thưởng;

c) Thông tin, tuyên truyền về Giải thưởng; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về trình tự, thủ tục, thời hạn đăng ký xét tặng Giải thưởng;

d) Đề xuất các thành viên Hội đồng Giải thưởng cấp tỉnh;

đ) Công bố và tổ chức Lễ trao Giải thưởng;

e) Phân công công việc cho các cá nhân, đơn vị có liên quan triển khai tổ chức Giải thưởng;

g) Thực hiện nhiệm vụ khác có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức**

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan Thường trực của Ban Tổ chức chịu trách nhiệm giúp Ban Tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy chế này;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch tổ chức xét tặng Giải thưởng; Quyết định thành lập Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh; Kế hoạch tổ chức Lễ công bố và trao Giải thưởng theo định kỳ;

c) Phối hợp với Sở Tài chính thống nhất dự toán chi phí thực hiện Kế hoạch tổ chức xét tặng Giải thưởng theo định kỳ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, vận động tham gia Giải thưởng;

đ) Tổ chức nhận, bảo quản hồ sơ đăng ký xét tặng, tạo điều kiện thuận lợi để các Hội đồng làm việc;

e) Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng và phối hợp Sở Nội vụ, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen hoặc Giấy chứng nhận;

g) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh là thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng; có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, đề xuất các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tặng giải thưởng; phối hợp tham mưu thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng cấp tỉnh.

3. Sở Nội vụ, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen hoặc Giấy chứng nhận; phối hợp quản lý nhà nước về công tác thi đua khen thưởng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí dành cho Giải thưởng và kinh phí đảm bảo cho công tác tổ chức Giải thưởng.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền rộng rãi và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tặng Giải thưởng.

6. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai, Cổng thông tin điện tử tỉnh tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các Giải thưởng.

**PHẦN II**

**QUY CHẾ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI**

**Điều 11. Tên gọi của Giải thưởng, mục đích và ý nghĩa**

1. Tên gọi: Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

2. Mục đích và ý nghĩa: tôn vinh những tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đã có những công trình, cụm công trình khoa học và công nghệ xuất sắc, có giá trị cao về khoa học và công nghệ; áp dụng vào sản xuất và đời sống, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tỉnh Đồng Nai và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**Điều 12. Lĩnh vực xét tặng Giải thưởng**

1. Khoa học tự nhiên.

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.

3. Khoa học xã hội và nhân văn.

4. Khoa học y, dược.

5. Khoa học nông nghiệp.

6. Ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ.

**Điều 13. Điều kiện xét tặng Giải thưởng**

Công trình xét tặng Giải thưởng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Công trình đề nghị xét tặng giải thưởng phải có hồ sơ hợp lệ, được công bố theo quy định (trừ các công trình có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước), được ứng dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Công trình có tính mới, tính hiệu quả (hiệu quả kinh tế, hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả xã hội), có giá trị khoa học và công nghệ, giá trị thực tiễn, có khả năng áp dụng và chưa được tặng Giải thưởng về khoa học và công nghệ ở cấp tỉnh hoặc ở cấp cao hơn.

3. Thời gian công trình được công bố hoặc ứng dụng trong thực tiễn ít nhất là 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng.

4. Công trình đề nghị xét tặng giải thưởng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng hoặc nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.

5. Đối với tác giả: Trực tiếp sáng tạo, đóng góp vào giá trị khoa học và công nghệ của công trình; không vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Khoa học và công nghệ và đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Đối với người Việt Nam: Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Đối với người nước ngoài: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, pháp luật và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam.

**Điều 14. Tiêu chuẩn xét tặng Giải thưởng đối với công trình nghiên cứu khoa học**

1. Về giá trị khoa học và công nghệ

a) Đối với công trình nghiên cứu khoa học: Bổ sung được tri thức mới hoặc có những phát hiện khoa học mới có tác động thay đổi trong sản xuất và đời sống xã hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Đối với công trình nghiên cứu và phát triển công nghệ: Giải quyết được các vấn đề công nghệ, tạo ra được công nghệ mới, cao hơn công nghệ tương tự khác đang ứng dụng tại tỉnh;

c) Đối với công trình ứng dụng công nghệ: Góp phần tạo ra được phương án tổng thể với các giải pháp kỹ thuật kèm theo hoặc tạo ra những cải tiến kỹ thuật, công nghệ để ứng dụng thành công và sáng tạo công nghệ tiên tiến trong các công trình lớn của tỉnh hoặc có tác động đến hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của công trình đó.

2. Về giá trị thực tiễn

a) Đối với công trình nghiên cứu khoa học: Có tác động đến nhận thức và đời sống xã hội hoặc góp phần xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trên cơ sở khoa học và thực tiễn của công trình;

b) Đối với công trình nghiên cứu và phát triển công nghệ: Góp phần đổi mới công nghệ hoặc tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế lớn, có khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế;

c) Đối với công trình ứng dụng công nghệ: Mang lại hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội hoặc quốc phòng - an ninh hoặc hội nhập quốc tế; bảo vệ môi trường.

**Điều 15. Số lượng, cơ cấu Giải thưởng và mức thưởng**

1. Cơ cấu Giải thưởng, bao gồm: Giải A, giải B, giải C và giải Khuyến khích.

2. Số lượng Giải thưởng của từng lĩnh vực (theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này) được cơ cấu như sau:

a) Đối với công trình nghiên cứu khoa học:

- 01 giải A: Trao cho công trình đặc biệt xuất sắc, đạt tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và tối thiểu phải được 90% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 01 giải B: Trao cho công trình ở mức xuất sắc, được tối thiểu 80% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 02 giải C: Trao cho công trình được tối thiểu 70% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 03 giải Khuyến khích: Trao cho công trình được tối thiểu 65% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý.

b) Đối với công trình nghiên cứu và phát triển công nghệ:

- 01 giải A: Trao cho công trình đặc biệt xuất sắc, đạt tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và tối thiểu phải được 90% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 01 giải B: Trao cho công trình ở mức xuất sắc, được tối thiểu 80% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 02 giải C: Trao cho công trình được tối thiểu 70% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 03 giải Khuyến khích: Trao cho công trình được tối thiểu 65% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý.

c) Đối với công trình ứng dụng công nghệ:

- 01 giải A: Trao cho công trình đặc biệt xuất sắc, đạt tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và tối thiểu phải được 90% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 01 giải B: Trao cho công trình ở mức xuất sắc, được tối thiểu 80% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 02 giải C: Trao cho công trình được tối thiểu 70% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý;

- 03 giải khuyến khích: Trao cho công trình được tối thiểu 65% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý.

3. Mức thưởng

- Giải A trị giá 130 triệu đồng;

- Giải B trị giá 110 triệu đồng;

- Giải C trị giá 90 triệu đồng;

- Giải Khuyến khích trị giá 18 triệu đồng.

**Điều 16.** **Quy trình xét tặng Giải thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng

a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng giải thưởng (bản chính) theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 18/2024/ND-CP ngày 21/02/2024;

b) Báo cáo tóm tắt công trình (bản chính);

c) Tài liệu liên quan đến việc công bố hoặc bản chính văn bản xác nhận kết quả ứng dụng công trình;

d) Tài liệu khác liên quan đến công trình (nếu có).

2. Quy trình xét tặng giải thưởng:

a) Tác giả công trình hoặc đại diện hợp pháp của tác giả công trình nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng (01 bộ) trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng được xét qua 02 cấp Hội đồng: Hội đồng xét tặng giải thưởng cấp cơ sở và Hội đồng xét tặng giải thưởng cấp tỉnh.

Thời hạn hoàn thành công tác tổ chức xét tặng giải thưởng ở mỗi cấp Hội đồng trong vòng 30 ngày tính từ thời điểm kết thúc nhận hồ sơ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng giải thưởng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả xét tặng giải thưởng của Hội đồng xét tặng giải thưởng cấp tỉnh.

Công bố kết quả xét tặng giải thưởng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định tặng giải thưởng.

**Điều 17. Hội đồng xét tặng giải thưởng các cấp**

1. Hội đồng xét tặng giải thưởng cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là Hội đồng cơ sở)

a) Hội đồng cơ sở, được thành lập có 07 hoặc 09 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác. Hội đồng phân công 02 thành viên am hiểu sâu lĩnh vực khoa học và công nghệ của công trình làm ủy viên phản biện cho mỗi công trình và 01 thành viên làm thư ký khoa học. Trường hợp cần thiết, người thành lập Hội đồng cơ sở có thể mời đại diện các cơ sở đã ứng dụng kết quả của công trình tham dự cuộc họp của Hội đồng xét tặng Giải thưởng để lấy thêm ý kiến đối với công trình;

b) Thành viên Hội đồng cơ sở là người không có công trình tham gia xét tặng Giải thưởng; không có quyền, lợi ích liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của việc xét Giải thưởng.

2. Hội đồng xét tặng giải thưởng cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có từ 09 đến 11 thành viên, gồm các thành phần sau:

a) Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đảm nhiệm;

b) 03 Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là Phó Chủ tịch Thường trực, Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh và mời Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;

c) Các ủy viên khác gồm: đại diện Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh; các nhà khoa học có uy tín ở nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ và một số cán bộ khoa học chuyên ngành am hiểu sâu lĩnh vực xét thưởng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị;

d) Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng là đại diện Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 18. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xét tặng giải thưởng các cấp**

1. Hội đồng đánh giá công bằng, dân chủ, khách quan, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín và quyết định theo tỷ lệ quy định cho từng cấp xét thưởng;

2. Hội đồng xét tặng giải thưởng chỉ xem xét những hồ sơ đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này;

3. Hội đồng cấp tỉnh chỉ xem xét những công trình được Hội đồng cơ sở đề nghị;

4. Việc xét tặng Giải thưởng cho các công trình có nội dung liên quan đến bí mật Nhà nước được áp dụng quy trình, thủ tục chung nhưng phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

5. Cuộc họp Hội đồng xét tặng Giải thưởng các cấp phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng tham dự, do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản) chủ trì;

6. Số lượng các phiên họp Hội đồng phụ thuộc vào số lượng, quy mô công trình đề nghị xét tặng Giải thưởng, do cơ quan thường trực tổ chức xét tặng Giải thưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Hội đồng.

7. Thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng các cấp có trách nhiệm nghiên cứu, nhận xét và đánh giá hồ sơ công trình bằng văn bản; các thành viên Hội đồng vắng mặt phải gửi văn bản nhận xét, đánh giá công trình đề nghị xét tặng Giải thưởng;

8. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản, có chữ ký của người chủ trì, thư ký khoa học do Hội đồng bầu chọn;

9. Cuộc họp Hội đồng cấp tỉnh phải có ít nhất 90% thành viên Hội đồng có mặt, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền bằng văn bản), số lượng phiên họp, trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

10. Công trình được đề nghị tặng giải thưởng phải đạt ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý (thành viên Hội đồng vắng mặt gửi ý kiến bằng văn bản). Trường hợp các công trình có tỷ lệ phiếu đề nghị tặng giải thưởng ngang nhau và vượt quá cơ cấu Giải thưởng (nếu có) thì thực hiện bỏ phiếu lại.

11. Hội đồng Giải thưởng các cấp tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 19. Quyền lợi của tác giả công trình được tặng Giải thưởng**

1. Được nhận Bằng Chứng nhận Giải thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và được hưởng các quyền lợi khác có liên quan đến Giải thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Được nhận tiền thưởng từ ngân sách Nhà nước cho công trình đạt Giải thưởng theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Quy chế này.

3. Các tác giả có công trình đoạt giải A được nhận Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Được tham dự Lễ trao Giải thưởng.

**Điều 20. Trách nhiệm của tác giả công trình được tặng Giải thưởng**

1. Tác giả công trình được tặng Giải thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng.

2. Trường hợp bị phát hiện không trung thực trong quá trình lập hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng thì tác giả công trình sẽ bị hủy bỏ quyết định tặng Giải thưởng, thu hồi Bằng chứng nhận và tiền thưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**PHẦN III**

**QUY CHẾ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG SÁNG CHẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

**Điều 21. Tên gọi của Giải thưởng, mục đích và ý nghĩa**

1. Tên gọi: Giải thưởng sáng chế tỉnh Đồng Nai.

2. Mục đích và ý nghĩa:

a) Khuyến khích hoạt động sáng tạo, nghiên cứu, đổi mới nhằm tạo ra các công nghệ mới, tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu thiết thực của cuộc sống, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tạo động lực gia tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích đối với các đầu tư nghiên cứu và sáng tạo của mọi chủ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm tạo ra cơ sở cho việc thương mại hóa tài sản trí tuệ, chuyển giao kết quả cho các ngành công nghiệp.

c) Tôn vinh các chủ sở hữu, tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích trong hoạt động khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ.

**Điều 22. Điều kiện xét tặng Giải thưởng**

1. Sáng chế/giải pháp hữu ích dự giải phải chưa từng đạt các giải thưởng sáng chế cấp tỉnh hoặc các giải thưởng sáng chế của quốc gia trước đó.

2. Các sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích của Việt Nam hoặc của một nước khác, còn trong thời gian hiệu lực ít nhất là ba năm tính từ ngày xét tặng giải thưởng hoặc sáng chế/giải pháp hữu ích chưa có bằng độc quyền nhưng đã có kết quả thẩm định nội dung đồng ý cấp văn bằng bảo bộ của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam, cơ quan sở hữu trí tuệ nước khác

3. Hồ sơ đăng ký tham dự giải phải do cá nhân hoặc tổ chức đang là chủ đơn đăng ký hoặc là chủ sở hữu bằng độc quyền liên quan; và có địa chỉ thường chú (nếu là cá nhân) hoặc có địa chỉ của trụ sở chính (nếu là tổ chức) tại tỉnh Đồng Nai; hoặc sáng chế/giải pháp hữu ích dự giải đang khai thác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 23. Tiêu chuẩn xét tặng Giải thưởng**

1. Khả năng áp dụng rộng rãi

a) Phạm vi áp dụng của sáng chế/giải pháp hữu ích (dựa theo chủng loại sản phẩm được sản xuất hoặc cung ứng theo sáng chế, các lĩnh vực công nghiệp hoặc lĩnh vực dịch vụ áp dụng sáng chế, phân loại sáng chế quốc tế);

- Hồ sơ thiết kế và tài liệu, thông tin liên quan đã chi tiết đến mức có thể dễ dàng đưa sáng chế/giải pháp hữu ích vào ứng dụng hoặc chuyển giao;

- Tính cạnh tranh về mặt giá thành của thiết bị, hàng hóa, dịch vụ được sản xuất theo sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Quy mô thị trường tiềm năng trong nước và quốc tế của thiết bị, hàng hóa dịch vụ được sản xuất theo sáng chế/giải pháp hữu ích.

2. Các hiệu quả đã đạt được

a) Doanh thu hoặc lợi nhuận đã có từ sáng chế/giải pháp hữu ích;

b) Các tác động kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ của sáng chế/giải pháp hữu ích;

**Điều 24. Số lượng, cơ cấu Giải thưởng và mức thưởng**

1. Cơ cấu Giải thưởng, bao gồm: nhất, nhì, ba và giải khuyến khích.

2. Số lượng Giải thưởng: 01 giải nhất; 02 giải nhì; 03 giải ba và 05 giải khuyến khích.

3. Mức thưởng

- Giải nhất trị giá 40 triệu đồng;

- Giải nhì trị giá 30 triệu đồng;

- Giải ba trị giá 25 triệu đồng;

- Giải Khuyến khích trị giá 10 triệu đồng.

**Điều 25. Quy trình xét tặng Giải thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng

a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng giải thưởng (bản chính) theo Mẫu 02 kèm theo Quy chế này;

b) 01 bản photo bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc tờ khai đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích kèm theo kết quả thẩm định nội dung đồng ý cấp văn bằng bảo hộ của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam hoặc cơ quan sở hữu trí nước khác;

c) Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích đã nộp đến Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam hoặc cơ quan sở hữu trí nước khác (kèm theo bản dịch sang tiếng Việt);

d) 01 bản đánh giá tiềm năng thương mại của sáng chế/giải pháp hữu ích theo Mẫu 02 kèm theo Quy chế này;

d) Tài liệu minh họa gồm:

- Sơ đồ, bản vẽ, bảng biểu, hình chụp và các tài liệu có liên quan.

- Bằng khen, giấy khen sáng chế/giải pháp hữu ích đã đạt được (nếu có);

- Sản phẩm, hợp đồng kinh tế, hợp đồng triển khai, hình ảnh minh họa.

- Các tài liệu khác có liên quan.

2. Quy trình xét tặng giải thưởng:

a) Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng (01 bộ) trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng được Hội đồng chuyên môn đánh giá.

Thời hạn hoàn thành công tác tổ chức xét tặng giải thưởng ở Hội đồng chuyên môn trong vòng 30 ngày tính từ thời điểm kết thúc nhận hồ sơ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng giải thưởng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả xét tặng giải thưởng của Hội đồng chuyên môn.

Công bố kết quả xét tặng giải thưởng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định tặng giải thưởng.

**Điều 26. Hội đồng chuyên môn xét tặng giải thưởng**

Hội đồng chuyên môn xét tặng giải thưởng (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

a) Hội đồng, được thành lập có 07 hoặc 09 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác. Hội đồng phân công 02 thành viên am hiểu sâu lĩnh vực khoa học và công nghệ của sáng chế/giải pháp hữu ích làm ủy viên phản biện cho mỗi sáng chế/giải pháp hữu ích và 01 thành viên làm thư ký khoa học. Trường hợp cần thiết, người thành lập Hội đồng có thể mời đại diện các cơ sở đã ứng dụng sáng chế/giải pháp hữu ích tham dự cuộc họp của Hội đồng xét tặng Giải thưởng để lấy thêm ý kiến đối với sáng chế/giải pháp hữu ích;

b) Thành viên Hội đồng là người không có sáng chế/giải pháp hữu ích tham gia xét tặng Giải thưởng; không có quyền, lợi ích liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của việc xét Giải thưởng.

c) Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng là đại diện Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 27. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng**

1. Hội đồng đánh giá công bằng, dân chủ, khách quan, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín;

2. Hội đồng chỉ xem xét những hồ sơ đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này;

3. Cuộc họp Hội đồng phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng tham dự, do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản) chủ trì;

4. Số lượng các phiên họp Hội đồng phụ thuộc vào số lượng sáng chế/giải pháp hữu ích đề nghị xét tặng Giải thưởng, do cơ quan thường trực tổ chức xét tặng giải thưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Hội đồng.

5. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu, nhận xét và đánh giá sáng chế/giải pháp hữu ích bằng văn bản; các thành viên Hội đồng vắng mặt phải gửi văn bản nhận xét, đánh giá sáng chế/giải pháp hữu ích đề nghị xét tặng giải thưởng;

6. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản, có chữ ký của người chủ trì, thư ký khoa học do Hội đồng bầu chọn;

7. Sáng chế/giải pháp hữu ích được đề nghị tặng giải thưởng phải đạt ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý (thành viên Hội đồng vắng mặt gửi ý kiến bằng văn bản). Trường hợp các sáng chế/giải pháp hữu ích có tỷ lệ phiếu đề nghị tặng giải thưởng ngang nhau và vượt quá cơ cấu Giải thưởng (nếu có) thì thực hiện bỏ phiếu lại.

8. Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 28. Quyền lợi của chủ sở hữu được tặng Giải thưởng**

1. Được nhận Bằng Chứng nhận Giải thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và được hưởng các quyền lợi khác có liên quan đến Giải thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Được nhận tiền thưởng từ ngân sách Nhà nước cho sáng chế/giải pháp hữu ích đạt Giải thưởng theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 của Quy chế này.

3. Chủ sở hữu của sáng chế/giải pháp hữu ích đạt giải nhất được nhận Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Được tham dự Lễ trao Giải thưởng.

**Điều 29. Trách nhiệm của chủ sở hữu được tặng Giải thưởng**

1. Chủ sở hữu được tặng Giải thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng.

2. Trường hợp bị phát hiện không trung thực trong quá trình lập hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng thì chủ sở hữu sẽ bị hủy bỏ quyết định tặng Giải thưởng, thu hồi Bằng chứng nhận và tiền thưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**PHẦN IV**

**QUY CHẾ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG CÔNG BỐ KHOA HỌC**

**TỈNH ĐỒNG NAI**

**Điều 30. Tên gọi của Giải thưởng, mục đích và ý nghĩa**

1. Tên gọi: Giải thưởng công bố khoa học tỉnh Đồng Nai.

2. Mục đích và ý nghĩa: Nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, tiến đến hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng và số lượng công bố quốc tế, từ đó góp phần nâng cao vị thế và uy tín của tỉnh Đồng Nai.

**Điều 31. Điều kiện xét tặng Giải thưởng**

1. Công bố quốc tế được đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus.

2. Địa chỉ thường trú của tác giả chính ở Đồng Nai.

3. Công trình công bố không vi phạm Điều 8 Luật Khoa học và công nghệ.

**Điều 32. Tiêu chuẩn xét tặng Giải thưởng**

1. Công trình công bố thuộc danh mục Scopus, được xét tặng theo cấp độ Q1, Q2, Q3, Q4.

2. Công trình công bố thuộc danh mục ISI, được xét tặng theo đánh giá tại SSCI, SCIE với chỉ số tác động (impact factor).

**Điều 33. Cơ cấu Giải thưởng và mức thưởng**

Mức thưởng cho công bố quốc tế trên tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Phân loại công bố ISI/Scopus** | **Mức thưởng (đồng)** |
| 1 | SSCI, SCIE với chỉ số tác động từ 2.000 điểm trở lên/Q1 | 45.000.000 |
| 2 | SSCI, SCIE với chỉ số tác động từ 1.000 điểm đến dưới 2.000 điểm/Q2 | 30.000.000 |
| 3 | SSCI, SCIE với chỉ số tác động dưới 1.000 điểm/Q3 | 18.000.000 |
| 4 | SSCI, SSIE, AHCI, ESCI nhưng chưa có ghi nhận chỉ số tác động/Q4 | 9.000.000 |

**Điều 34. Quy trình xét tặng Giải thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng

a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng giải thưởng (bản chính) theo Mẫu 04 kèm theo Quy chế này;

b) 01 bản photo công trình công bố quốc tế;

c) Thông tin tổ chức công bố công trình;

d) 01 bản photo căn cước công dân của tác giả chính;

2. Quy trình xét tặng giải thưởng:

a) Tác giả nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng (01 bộ) trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng được Hội đồng chuyên môn đánh giá.

Thời hạn hoàn thành công tác tổ chức xét tặng giải thưởng ở Hội đồng chuyên môn trong vòng 30 ngày tính từ thời điểm kết thúc nhận hồ sơ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng giải thưởng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả xét tặng giải thưởng của Hội đồng chuyên môn.

Công bố kết quả xét tặng giải thưởng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định tặng giải thưởng.

**Điều 35. Hội đồng chuyên môn xét tặng giải thưởng**

Hội đồng chuyên môn xét tặng giải thưởng (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

a) Hội đồng, được thành lập có 07 hoặc 09 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác.

b) Thành viên Hội đồng là người không có công bố quốc tế tham gia xét tặng Giải thưởng; không có quyền, lợi ích liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của việc xét Giải thưởng.

c) Thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng là đại diện Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 36. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng**

1. Hội đồng đánh giá công bằng, dân chủ, khách quan, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín;

2. Hội đồng chỉ xem xét những hồ sơ đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 31 của Quy chế này;

3. Cuộc họp Hội đồng phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng tham dự, do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản) chủ trì;

4. Số lượng các phiên họp Hội đồng phụ thuộc vào số lượng công bố quốc tế đề nghị xét tặng Giải thưởng, do cơ quan thường trực tổ chức xét tặng giải thưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Hội đồng.

5. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm đối chiếu tiêu chuẩn xét tặng (Điều 32 quy chế này) để nhận xét, đánh giá công bố quốc tế đề nghị xét tặng giải thưởng;

6. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản, có chữ ký của người chủ trì, thư ký hành chính;

7. Công bố quốc tế được đề nghị tặng giải thưởng phải đạt ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý (thành viên Hội đồng vắng mặt gửi ý kiến bằng văn bản).

8. Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 37. Quyền lợi của tác giả được tặng giải thưởng**

1. Được nhận Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và được hưởng các quyền lợi khác có liên quan đến Giải thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Được nhận tiền thưởng từ ngân sách Nhà nước cho công bố quốc tế đạt Giải thưởng theo quy định tại Điều 33 của Quy chế này.

3. Được tham dự Lễ trao Giải thưởng.

**Điều 38. Trách nhiệm của tác giả được tặng giải thưởng**

1. Tác giả được tặng Giải thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng.

2. Trường hợp bị phát hiện không trung thực trong quá trình lập hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng thì tác gỉa sẽ bị hủy bỏ quyết định tặng giải thưởng, thu hồi Bằng khen và tiền thưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**PHẦN V**

**QUY CHẾ XÉT THƯỞNG CHO TẬP THỂ, CÁ NHÂN CÓ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU, XUẤT SẮC ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI**

**Điều 39. Điều kiện, tiêu chuẩn xét khen thưởng**

1. Điều kiện, tiêu chuẩn xét khen thưởng đối với tập thể

Tập thể được đề nghị khen thưởng phải chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tham mưu, đề xuất các cơ chế chính sách và biện pháp có hiệu quả nhằm thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo của các sở, ngành, địa phương;

b) Quản lý tốt hoạt động khoa học và công nghệ ở các sở, ngành và địa phương, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ mang lại hiệu quả rõ nét và nổi bật, có đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của sở, ngành, địa phương;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ, các tổ chức khác có kết quả nghiên cứu khoa học nổi bật hoặc ứng dụng khoa học và công nghệ, tổ chức các hoạt động thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, đởi mới sáng tạo đem lại hiệu quả kinh tế cao góp phần tích cực phục vụ sản xuất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

d) Quản lý, triển khai tốt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do đơn vị chủ trì như các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu đạt loại xuất sắc và được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh

đ) Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trích đủ 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

2. Điều kiện, tiêu chuẩn xét khen thưởng đối với cá nhân

Cá nhân được đề nghị khen thưởng phải chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách và biện pháp có hiệu quả nhằm thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

b) Cá nhân trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà kết quả khi nghiệm thu được Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh, cấp bộ trở lên đánh giá xếp loại xuất sắc và được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh; Hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ đúng thời gian đã được ký kết trong hợp đồng; Hoàn tất thủ tục thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng đối với cơ quan chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Cá nhân có nhiều đóng góp nổi bật với vai trò là tư vấn, chuyên gia, phản biện trong hoạt động khoa học và công nghệ, những ý kiến tư vấn, phản biện đó thực sự có giá trị, đã giúp cơ quan quản lý khoa học và công nghệ đưa ra các quyết định hoặc có những đóng góp nổi bật trong xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh hoặc các hoạt động thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh.

**Điều 40. Quy trình và thủ tục hồ sơ**

1. Quy trình xét khen thưởng

a) Các tập thể và cá nhân lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

b) Hàng năm căn cứ các quy định tại Quy chế này và ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét bình chọn tối đa không quá 15 tập thể và 15 cá nhân đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

c) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định (qua Sở Nội vụ).

2. Thủ tục hồ sơ:

Thủ tục hồ sơ 01 bộ bản chính, gồm:

a) Tờ trình đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (theo Mẫu báo cáo số 07 tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng);

d) Các tài liệu, hồ sơ minh chứng có liên quan đến các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

**Điều 41. Hình thức khen thưởng**

Các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển ngành khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và kèm theo tiền thưởng theo quy định hiện hành.

**Điều 42. Quyền lợi và trách nhiệm**

1, Quyền lợi

a) Các tập thể, cá nhân được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh kèm theo tiền thưởng theo quy định;

b) Các tập thể, cá nhân được khen thưởng có quyền sử dụng, khai thác thương mại biểu trưng phần thưởng; được công bố, giới thiệu rộng rãi trong phạm vi tỉnh Đồng Nai và cả nước nhằm quảng bá hình ảnh.

c) Được ưu tiên tham gia các hoạt động của ngành khoa học và công nghệ của tỉnh;

2. Trách nhiệm

a) Sử dụng danh hiệu đúng mục đích;

b) Các tập thể, cá nhân được khen thưởng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các bài học kinh nghiệm, giữ gìn, phát huy thành tích đạt được.

Mẫu 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG ĐĂNG KÝ**

**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG**

*(Ban hành kèm theo Quy chế xét tặng các giải thưởng về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)*

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai – Cơ quan thường trực Ban Tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh.

**I. Thông tin tác giả/đồng tác giả**

\* Trường hợp 01 tác giả:

1. Họ và tên tác giả công trình: ………………….……………………..….... ..

Quốc tịch: ………………………………………………………………………

2. Ngày, tháng, năm sinh: ……………………………...………………..……..

Số CCCD/Hộ chiếu: ……………. Ngày cấp: ……….….Nơi cấp: ……………

3. Nơi cư trú: ……………….……………….……………………………….…

4. Điện thoại: ………………………. E-mail: …………………………………

5. Nơi công tác: ……………….…….……………….…………………………

\* Trường hợp đồng tác giả (kê khai các thông tin nêu trên dạng bảng tại trang A4 kèm theo, có cột chữ ký của các đồng tác giả)

**II. Thông tin công trình/cụm công trình**

1. Tên công trình/cụm công trình: …………………..……………….……..……

2. Lĩnh vực …………………………………………..……………………………

Sau khi tìm hiểu các quy định về giải thưởng ..., tôi/chúng tôi gửi hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng ..., hồ sơ bao gồm:

- Bản đăng ký đề nghị xét tặng giải thưởng (bản chính) (... trang);

- Báo cáo tóm tắt công trình (bản chính) (... trang);

- Tài liệu liên quan đến việc công bố (bản sao) hoặc văn bản xác nhận kết quả ứng dụng công trình (bản chính) (... trang);

- Các tài liệu khác liên quan đến công trình (nếu có): ... (... trang).

Tôi/chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin kê khai tại hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TÁC GIẢ/ĐẠI DIỆN**  **HỢP PHÁP CỦA TÁC GIẢ**  (Ký, ghi rõ họ tên) |

Mẫu 02

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG ĐĂNG KÝ**

**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG**

*(Ban hành kèm theo Quy chế xét tặng các giải thưởng về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)*

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai – Cơ quan thường trực Ban Tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh.

1. Họ và tên chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích :

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi ở hiện nay:

4. Địa chỉ liên hệ:

5. Điện thoại:……………………….Email:

6. Tên sáng chế/giải pháp hữu ích:

- Bằng độc quyền số: ……………… ngày ưu tiên : …../…../.….; *hoặc*

- Đơn đã công bố số: ngày ưu tiên : … /…../… ..

Tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Nam/nữ** | **Chuyên môn** | **Chữ ký** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Chủ sở hữu đã tìm hiểu đầy đủ các văn bản quy định về giải thưởng sáng chế tỉnh Đồng Nai, và cam đoan các điều ghi trên đây là đúng sự thật. Tôi/chúng tôi xin cam đoan: sáng chế/giải pháp hữu ích đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng tại văn bản này là của tôi/chúng tôi, do tôi/chúng tôi trực tiếp nghiên cứu, sáng tạo ra, không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tài liệu kèm theo gồm :***  🞎 Bản sao Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích  🞎 Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích  🞎 Bản thuyết minh giá trị thương mại của  sáng chế/giải pháp hữu ích  🞎 Các tài liệu minh họa khác | Ngày      tháng     năm 20…  **Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích**  (ký, ghi rõ họ tên) |

Mẫu 03

**MỘT SỐ GỢI Ý/HƯỚNG DẪN KHI ĐÁNH GIÁ   
GIÁ TRỊ KINH TẾ HOẶC TIỀM NĂNG THƯƠNG MẠI CỦA**

**SÁNG CHẾ/GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

*(Ban hành kèm theo Quy chế xét tặng các giải thưởng về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)*

1. Đánh giá giá trị kinh tế hoặc tiềm năng thương mại của sáng chế/giải pháp hữu ích khi áp dụng vào sản xuất:

* Đối với sáng chế/giải pháp hữu ích dạng sản phẩm, có thể đưa ra các đánh giá như:

+ Doanh thu của sản phẩm trong thời gian vừa qua (nếu có).

+ Dự đoán thị trường và doanh thu tiềm năng trên các thị trường khác nhau (trong nước, ngoài nước).

+ Tỉ suất lợi nhuận đã có hoặc tỉ suất lợi nhuận tiềm năng của sáng chế/giải pháp hữu ích.

+ Tốc độ tăng trưởng (so sánh số lượng sản phẩm/doanh thu năm sau với năm trước - nếu có).

* Đối với sáng chế/giải pháp hữu ích dạng quy trình, có thể đưa ra các đánh giá như:

+ Mức độ giảm thiểu chi phí tính theo tiền, giờ công lao động, khối lượng nhiên vật liệu …..

+ Mức độ gia tăng về chất lượng sản phẩm, doanh thu, thị phần …..

+ Căn cứ trên mức độ giảm thiểu chi phí và gia tăng chất lượng/năng suất, ước tính **giá trị làm lợi** của việc áp dụng sáng chế/giải pháp hữu ích.

2. Đánh giá giá trị kinh tế hoặc tiềm năng thương mại của sáng chế/giải pháp hữu ích khi tiến hành **chuyển giao công nghệ**, có thể đưa ra các đánh giá như:

* Sáng chế/giải pháp hữu ích đã được hoặc dự kiến được chuyển giao quyền sở hữu (bán đứt)? giá trị tính bằng tiền?
* Sáng chế/giải pháp hữu ích đã được hoặc dự kiến được chuyển giao quyền sử dụng (cấp li-xăng)? giá trị tính bằng tiền?
* Sáng chế/giải pháp hữu ích đã được hoặc dự kiến có thể dùng để góp vốn vào dự án hợp tác kinh doanh, thành lập doanh nghiệp? giá trị góp vốn ước tính (bằng tiền)?

3. Ngoài ra, người dự giải có thể giới thiệu các cách đánh giá giá trị kinh tế hoặc tiềm năng thương mại khác theo đặc điểm riêng của sáng chế/giải pháp hữu ích dự giải.

4. So sánh giá trị làm lợi (thực tế hoặc dự đoán) của sáng chế/giải pháp hữu ích với tổng chi phí đầu tư đã bỏ ra cho quá trình tạo lập sáng chế.

5. Đánh giá lợi ích của sáng chế/giải pháp hữu ích theo một số tiêu chí khác như:

- Lợi ích xã hội và tác động của công nghệ hoặc sản phẩm của nó;

- Các rủi ro về việc giải mã, khai thác sáng chế (về kỹ thuật/công nghệ);

- Các rủi ro trong toàn bộ quá trình phân tích tính kinh tế/thương mại.

Mẫu 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG ĐĂNG KÝ**

**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG**

*(Ban hành kèm theo Quy chế xét tặng các giải thưởng về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)*

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai – Cơ quan thường trực Ban Tổ chức Giải thưởng cấp tỉnh.

1. Họ và tên tác giả chính :

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Địa chỉ thường trú:

4. Địa chỉ liên hệ:

5. Điện thoại:……………………….Email:

6. Tên công trình:

7. Tên tạp chí/Nhà xuất bản:

8. Số tạp chí/Năm xuất bản:

9. Mã số bài viết /ISSN/ISBN:

Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai trong bảng đăng ký là chính xác. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tài liệu kèm theo gồm :***  🞎 Bản sao công trình công bố quốc tế;  🞎 Bản sao căn cước công dân của tác giả chính;  🞎 Các tài liệu minh họa khác. | Ngày      tháng     năm 20…  **Tác giả chính**  (ký, ghi rõ họ tên) |

**Phụ lục 1**

**Tổng hợp về nội dung và các văn bản vận dụng trong dự thảo Quyết định ban hành quy chế xét tặng**

**các giải thưởng về Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Căn cứ đề xuất** | **Văn bản vận dụng nội dung và mức chi**  *(Chi tiết một số văn bản vận dụng)* |
| 1 | **Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai** | Điều 22 Nghị định 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ:  “*1. Bộ, ngành, địa phương căn cứ lĩnh vực quản lý và điều kiện cụ thể* ***quyết định việc tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ****.*  *2. Thời hạn tổ chức xét tặng giải thưởng không dưới 03 năm một lần đối với giải thưởng mà tiền thưởng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước. Giải thưởng được công bố và trao tặng vào Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam 18 tháng 5 hoặc vào thời điểm phù hợp do bộ, ngành, địa phương quyết định.”* | **Mức thưởng:** Khoản 1, Điều 27 Nghị định 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ quy định: “*Được nhận Bằng chứng nhận giải thưởng, tiền thưởng từ ngân sách nhà nước do bộ, ngành, địa phương chi trả* ***không quá 100 lần mức lương cơ sở*** *cho mỗi công trình và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật*” |
| 2 | **Giải thưởng Sáng chế tỉnh Đồng Nai** | Nghị quyết 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, trong đó mục tiêu đến năm 2030 *“****Tăng số lượng phát minh, sáng chế, công trình khoa học trong bảng xếp hạng của khu vực và thế giới****; sản phẩm khoa học, công nghệ, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao; công trình công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế. Nâng chất lượng tạp chí khoa học của Việt Nam đạt trình độ khu vực và quốc tế”*. | **Mức thưởng:** vận dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 3 Thông tư 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *“****Tối đa bằng 80%*** *mức quy định của Hội thi toàn quốc, tương ứng theo từng mức giải thưởng.”* |
| 3 | **Giải thưởng Công bố khoa học tỉnh Đồng Nai** | Nghị quyết 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, trong đó mục tiêu đến năm 2030 *“Tăng số lượng phát minh, sáng chế, công trình khoa học trong bảng xếp hạng của khu vực và thế giới; sản phẩm khoa học, công nghệ, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao;* ***công trình công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.*** *Nâng chất lượng tạp chí khoa học của Việt Nam đạt trình độ khu vực và quốc tế”*. | **Mức thưởng:** Khoản 1, Điều 27 Nghị định 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ quy định: “*Được nhận Bằng chứng nhận giải thưởng, tiền thưởng từ ngân sách nhà nước do bộ, ngành, địa phương chi trả* ***không quá 100 lần mức lương cơ sở*** *cho mỗi công trình và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật*” |
| 4 | **Khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển ngành khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai** | Tại Khoản 1, Điều 81, Luật Thi đua - Khen thưởng quy định: *"Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện* ***các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích*** *để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định"* | **Mức thưởng:** Điều 58 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ. |

**Phụ lục 2**

**Dự toán chi khen thưởng các giải thưởng về Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*Đơn vị tính: triệu đồng.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Dự toán kinh phí** | | | | | |
| **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai | 474 |  |  | 474 |  |  |
| 2 | Giải thưởng Sáng chế tỉnh Đồng Nai | 225 |  |  | 225 |  |  |
| 3 | Giải thưởng Công bố khoa học tỉnh Đồng Nai | 564 |  |  | 564 |  |  |
| 4 | Khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển ngành khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai | 121 | 121 | 121 | 121 | 121 | 121 |
|  | **TỔNG** | **1.384** | **121** | **121** | **1.384** | **121** | **121** |
|  | **TỔNG** (Từ năm 2025 - 2030) | **3.252** | | | | | |